

Số: 2833551

|                                                | PEUGEOT 408 ALLURE  | PEUGEOT 408 LEGEND EDITION ALLURE |
|------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 1.019.000.000đ      | 1.039.000.000đ                    |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                     |                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510  | 4687 x 1850 x 1510                |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                | 2787                              |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                 | 189                               |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1430                | 1430                              |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1880                | 1880                              |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                 | 536                               |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                  | 52                                |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                   | 5                                 |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước    | SX-LR trong nước                  |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                     |                                   |
| Loại động cơ                                   | 1,6 Turbo PureTech  | 1,6 Turbo PureTech                |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                | 1598                              |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500          | 218 / 5500                        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000          | 300 / 2000                        |
| Hộp số                                         | 8AT                 | 8AT                               |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)     | Cầu trước (FWD)                   |
| Hệ thống treo trước                            | Độc Lập Mac Pherson | Độc Lập Mac Pherson               |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập         | Bán Độc Lập                       |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                 | Đĩa                               |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                 | Đĩa                               |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R18          | 225/55 R18                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.74                | 9.74                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.31                | 6.31                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.59                | 7.59                              |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                   | -                                 |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport    | Eco/Normal/Sport                  |
| Chế độ địa hình                                | -                   | -                                 |
| NGOẠI THẤT:                                    |                     |                                   |
| Cụm đèn trước                                  | LED                 | Xenon                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                   | ●                                 |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                   | -                                 |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                   | -                                 |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                   | ●                                 |
| Đèn ban ngày LED                               | ● (Nanh sư tử)      | ●                                 |
| Cụm đèn sau                                    | LED                 | Halogen                           |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                   | ●                                 |
| Gạt mưa tự động                                | ●                   | ●                                 |
| Cửa sổ trời                                    | -                   | ●                                 |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                     |                                   |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                   | ●                                 |

| Chất liệu ghế                                   | Da      | Da          |
|-------------------------------------------------|---------|-------------|
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | -       | -           |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●       | ●           |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | -       | -           |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | -       | -           |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●       | ●           |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -       | -           |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | -       | ●           |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | -       | ●           |
| Tính năng cửa hít                               | -       | -           |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●       | ●           |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 10 inch | Analog      |
| Màn hình HUD                                    | -       | ●           |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 10 inch | AVN 7       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●       | ●           |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●       | ●           |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2       | 2           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●       | ●           |
| Chìa khóa thông minh                            | ●       | ●           |
| Khởi động nút bấm                               | ●       | ●           |
| Khởi động từ xa                                 | -       | -           |
| Lấy chuyển số                                   | ●       | ●           |
| Sạc không dây Qi                                | ●       | ●           |
| Phanh đỗ điện tử                                | -       | -           |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -       | -           |
| Đèn trang trí nội thất                          | -       | ●           |
| Rèm che nắng                                    | -       | ●           |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●       | ●           |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |         |             |
| Số túi khí                                      | 6       | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●       | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●       | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●       | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●       | -           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●       | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●       | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●       | ●           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Sau     | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●       | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -       | -           |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●       | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●       | -           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●       | -           |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●       | -           |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | -       | -           |

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp  
Camera lùi

- 
- (Giả lập 180 độ)
- 
-